

TÒA ÁN NHÂN DÂN

Huyện Tân Hiệp

Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2020/HNGĐ- ST

Ngày 30/09/2020.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Khắc Việt

2. Bà Lê Thị Kiều Nga

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Kim Luyến – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 30 tháng 09 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về vụ kiện: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 08 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Trọng N, sinh năm: 1962 (có mặt).

Địa chỉ: ấp K 10A, xã T Đ B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

- Bị Đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm: 1968 (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: ấp K 10A, xã T Đ B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa ông Phan Trọng N trình bày: Tôi và bà Nguyễn Thị Bích N chung sống với nhau vào khoảng tháng 05 năm 1987, vợ chồng không có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, không có đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 01 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai vợ chồng không hợp từ đó thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc.

Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể hàn gắn. Do đó tôi đã sống ly thân với bà N từ năm 2016 đến nay.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung; Phan Thị Tuyết N sinh ngày 20/02/1995, hiện đã trưởng thành và có gia đình riêng.

- Về tài sản chung : Trong thời gian chung sống vợ chồng có tạo lập được tài sản là phần đất có diện tích 1.374,8m² đất tọa lạc tại: thửa đất số 1167 (nay là thửa 1396), tờ bản đồ số 8, thuộc giấy CNQSDĐ số: BL 828808, do UBND huyện Tân Hiệp cấp ngày 06/09/2012 do tôi đứng tên, phần đất tọa lạc tại: ấp Kinh 10A, xã Thạnh Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Trên phần đất này vợ chồng tôi có xây một căn nhà xây cấp 4 được xây dựng năm 2009, đến ngày 19/8/2016 vợ chồng tôi có chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc V, bà Võ Thị N phần đất diện tích là 186,9m² (trong đó đất ở là 60m², đất trồng cây lâu năm là 126,9m²) thửa đất số 1167 (nay là thửa 1396), tờ bản đồ số 8, phần đất tọa lạc tại: ấp Kinh 10A, xã Thạnh Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Do đó vợ chồng tôi còn lại phần đất diện tích là 1.187,9m² thửa đất số 1167 (nay là thửa 1396), tờ bản đồ số 8, phần đất tọa lạc tại: ấp K 10A, xã T Đ B, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

- Về phần nợ chung: vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa ông N yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích N.

Về quan hệ con chung: Hiện nay cháu Phan Thị Tuyết N đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tôi xin chia đôi tài sản chung của vợ chồng, cụ thể tài sản chung gồm: quyền sử dụng đất thửa đất số 1396, diện tích theo đo đạc thực tế là 1.180,8m², tờ bản đồ số 8, thuộc giấy CNQSDĐ số: BL 828808, do UBND huyện Tân Hiệp cấp ngày 06/09/2012 do tôi đứng tên Phan Trọng N, phần đất tọa lạc tại ấp Kinh 10A, xã Thạnh Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang theo giá trị định giá là 139.924.800đ (một trăm ba mươi chín triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm đồng). Công trình xây dựng bao gồm: nhà ở theo giá trị định giá là 152.219.513đ (một trăm năm mươi hai triệu hai trăm mười chín nghìn năm trăm mười ba đồng). Mái che phía sau theo giá trị định giá là 25.749.130đ (hai mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn một trăm ba mươi đồng). Hàng rào và sân nền theo giá trị định giá là 4.020.870 (bốn triệu không trăm hai mươi nghìn tám trăm bảy mươi đồng). Ngoài ra trong nhà của vợ chồng ông Phan Trọng N, bà Nguyễn Thị Bích N còn có các tài sản gồm: tủ lạnh Aqua theo giá trị định giá là 3.174.000đ (ba triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn đồng), tủ gỗ theo giá trị định giá là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng), bàn gỗ tròn 1,02 mét theo giá trị định giá là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), bộ bếp gas theo giá trị định giá là 369.000đ (ba trăm sáu mươi chín đồng), nồi cơm điện theo giá trị định giá là 153.000đ (một trăm năm mươi ba nghìn đồng), quạt gió Kakashi theo giá trị định giá là 145.000đ (một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), tủ gỗ theo giá trị định giá là 2.100.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng), tủ gỗ đựng quần áo theo giá trị định giá là 3.000.000đ (ba triệu đồng), dàn âm thanh Paramax theo giá trị định giá là 8.180.000đ (tám triệu một trăm tám mươi nghìn

đồng), quạt bàn Fugio theo giá trị định giá là 95.400đ (chín mươi lăm nghìn bốn trăm đồng), Tivi Digital Control theo giá trị định giá là 330.000đ (ba trăm ba mươi nghìn đồng), quạt treo theo giá trị định giá là 190.000đ (một trăm chín mươi nghìn đồng).

Tổng giá trị định giá các tài sản trên theo Công ty TNHH định giá tư vấn xây dựng Định Vượng và Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE là 342.294.000đ (ba trăm bốn mươi hai triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng), tôi thống nhất theo giá trị thẩm định giá của Công ty TNHH định giá tư vấn xây dựng Định Vượng và Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE. Tôi yêu cầu được nhận quyền sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế là 1.180,8m² và tài sản khác gắn liền với đất, thửa đất số 1396, tờ bản đồ số 8, căn nhà cấp 04 và các nội thất, đồ gia dụng trong nhà đã nêu trên, phần đất tọa lạc tại ấp Kinh 10A, xã Thạnh Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Đồng thời tôi sẽ thanh toán một nửa giá trị tài sản trên cho bà N số tiền là 171.147.000đ (một trăm bảy mươi một triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N trình bày:** Tòa án đã tổng đạt các văn bản và tiến hành các thủ tục niêm yết theo quy định chung của Bộ luật tố tụng dân sự cho bà Nguyễn Thị Bích N nhưng tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì bà N đều vắng mặt không lý do và cũng như tại phiên tòa hôm nay thì bà N vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên Tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt khi Tòa án triệu tập làm việc và hôm nay vắng mặt tại phiên tòa, do đó chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng các quy định Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 207, Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Trọng N.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Phan Trọng N và bà Nguyễn Thị Bích N là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Ông N, bà N có 01 con chung là chị Phan Thị Tuyết N, sinh ngày 20/02/1995 đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Giao cho ông Phan Trọng N được quyền quản lý và sử dụng các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất thửa đất số 1396, tờ bản đồ số 8, diện tích đo đạc thực tế là

1.180,8m² và tài sản khác gắn liền với đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BL 828808 được UBND huyện Tân Hiệp cấp ngày 06/09/2012, đứng tên ông Phan Trọng N (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/08/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp và tờ trích đo địa chính số: TĐ 75-2020 (1396-08) ngày 01/04/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Hiệp), phần đất tọa lạc tại ấp Kinh 10A, xã Thạnh Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang và căn nhà cấp 04 và các nội thất, đồ gia dụng trong nhà. Ông N có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Bích N ½ giá trị tài sản bằng số tiền là 171.147.000đ (một trăm bảy mươi một triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** bà Nguyễn Thị Bích N với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay bà N vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tổng đạt và tiến hành các thủ tục niêm yết theo quy định chung của Bộ luật tố tụng dân sự các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ”. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Bích N là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét mối quan hệ hôn nhân giữa ông Phan Trọng N và bà Nguyễn Thị Bích N là vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi vì ông N và bà N chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Theo khoản 1, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý. Ngoài ra các bên nếu có yêu cầu giải quyết về con cái và tài sản thì Tòa án áp dụng Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và

Gia đình năm 2014 để giải quyết. Chính vì vậy xác định mối quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà N không được pháp luật công nhận là vợ chồng, vì ông N, bà N chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà N là vợ chồng là có cơ sở.

[3] **Về quan hệ tài sản chung:** Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Phan Trọng N xin chia đôi tài sản chung, ông N yêu cầu được nhận quyền sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế là 1.180,8m² và tài sản khác gắn liền với đất, thửa đất số 1396, tờ bản đồ số 8, căn nhà cấp 04, phần đất tọa lạc tại ấp Kinh 10A, xã Thạnh Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang và các nội thất, đồ gia dụng trong nhà (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/08/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp và tờ trích đo địa chính số: TĐ 75-2020 (1396-08) ngày 01/04/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Hiệp). Đồng thời ông N sẽ thanh toán một nửa giá trị tài sản trên cho bà N bằng số tiền là 171.147.000đ (một trăm bảy mươi một triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì trong thời gian chung sống với nhau thì ông N, bà N có một số tài sản chung và được Công ty TNHH định giá Định Vượng và Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE định giá theo giá trị định giá như sau:

Quyền sử dụng đất thửa đất số 1396, tờ bản đồ số 8, diện tích theo đo đạc thực tế là 1.180,8m², phần đất tọa lạc tại ấp Kinh 10A, xã Thạnh Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang theo giá trị định giá là 139.924.800đ (một trăm ba mươi chín triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm đồng). Công trình xây dựng bao gồm: nhà ở theo giá trị định giá là 152.219.513đ (một trăm năm mươi hai triệu hai trăm mười chín nghìn năm trăm mười ba đồng). Mái che phía sau theo giá trị định giá là 25.749.130đ (hai mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn một trăm ba mươi đồng). Hàng rào và sân nền theo giá trị định giá là 4.020.870 (bốn triệu không trăm hai mươi nghìn tám trăm bảy mươi đồng). Ngoài ra trong nhà của vợ chồng ông Phan Trọng N, bà Nguyễn Thị Bích N còn có các tài sản gồm: tủ lạnh Aqua theo giá trị định giá là 3.174.000đ (ba triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn đồng), tủ gỗ theo giá trị định giá là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng), bàn gỗ tròn 1,02 mét theo giá trị định giá là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), bộ bếp gas theo giá trị định giá là 369.000đ (ba trăm sáu mươi chín nghìn đồng), nồi cơm điện theo giá trị định giá là 153.000đ (một trăm năm mươi ba nghìn đồng), quạt gió Kakashi theo giá trị định giá là 145.000đ (một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), tủ gỗ theo giá trị định giá là 2.100.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng), tủ gỗ đựng quần áo theo giá trị định giá là 3.000.000đ (ba triệu đồng), dàn âm thanh Paramax theo giá trị định giá là 8.180.000đ (tám triệu một trăm tám mươi nghìn đồng), quạt bàn Fugio theo giá trị định giá là 95.400đ (chín mươi lăm nghìn bốn trăm đồng), Tivi Digital Control theo giá trị định giá là 330.000đ (ba trăm ba mươi nghìn đồng), quạt treo theo giá trị định giá là 190.000đ (một trăm chín mươi nghìn đồng).

Tổng giá trị theo giá trị định giá của Công ty TNHH định giá Định Vượng và Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE định giá theo giá trị định giá các tài sản trên là 342.294.000đ (ba trăm bốn mươi hai triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Do đó Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu chia đôi tài sản chung của ông N. Bởi vì các tài sản trên có được trong quá trình ông N, bà N đang chung

sống với nhau theo quy định tại khoản 1 Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

Trường hợp sở hữu chung có thể phân chia thì mỗi chủ sở hữu chung đều có quyền yêu cầu chia tài sản chung; nếu tình trạng sở hữu chung phải được duy trì trong một thời hạn theo thỏa thuận của các chủ sở hữu chung hoặc theo quy định của luật thì mỗi chủ sở hữu chung chỉ có quyền yêu cầu chia tài sản chung khi hết thời hạn đó; khi tài sản chung không thể chia được bằng hiện vật thì chủ sở hữu chung có yêu cầu chia có quyền bán phần quyền sở hữu của mình, trừ trường hợp các chủ sở hữu chung có thỏa thuận khác.

Chính vì vậy Hội đồng xét xử thống nhất giao cho ông Phan Trọng N các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất thửa đất số 1396, tờ bản đồ số 8, diện tích theo đo đạc thực tế là 1.180,8m², tài sản khác gắn liền với đất, phần đất tọa lạc tại ấp Kinh 10A, xã Thanh Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, căn nhà cấp 04 và các tài sản gồm: tủ lạnh Aqua, tủ gỗ, bàn gỗ tròn 1,02 mét, bộ bếp gas, nồi cơm điện, quạt gió Kakashi, tủ gỗ, tủ gỗ đựng quần áo, dàn âm thanh Paramax, quạt bàn Fugio, Tivi Digital Control, quạt treo (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/08/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp và tờ trích đo địa chính số: TĐ 75-2020 (1396-08) ngày 01/04/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Hiệp). Ông N có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền cho bà Nguyễn Thị Bích N bằng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản theo giá trị định giá là 171.147.000đ (một trăm bảy mươi một triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

[4] **Về phần nợ chung:** ông N và bà N không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] **Về chi phí thẩm định giá tài sản:** ông N tự nguyện nộp cho Công ty TNHH định giá, tư vấn, xây dựng Định Vượng số tiền là 3.800.000đ (ba triệu tám trăm nghìn đồng) và Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE số tiền là 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào hoá đơn giá trị gia tăng số: 0000096 ngày 28/04/2020 và hoá đơn giá trị gia tăng số: 0011554 ngày 15/05/2020, ông N đã nộp đủ.

[6] **Về lệ phí đo đạc:** ông N tự nguyện nộp 662.000đ (sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng) cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang được khấu trừ vào hoá đơn giá trị gia tăng số: 0001784 ngày 21/04/2020, ông N đã nộp đủ.

[7] **Về án phí chia tài sản chung sơ thẩm:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Phan Trọng N nộp: $171.147.000đ \times 5\% = 8.557.350đ$ tính tròn là 8.557.000đ (tám triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0005302 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Ông N còn phải nộp số tiền là 5.307.000đ (năm triệu ba trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Bích N nộp $171.147.000đ \times 5\% = 8.557.350đ$ tính tròn là 8.557.000đ (tám triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

[8] **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** ông Phan Trọng N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 207, Khoản 1 Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Trọng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Phan Trọng N và bà Nguyễn Thị Bích N là vợ chồng.

2. Về tài sản chung: Công nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 1396, tờ bản đồ số 8, diện tích theo đo đạc thực tế là 1.180,8m², tài sản khác gắn liền với đất, phần đất tọa lạc tại ấp Kinh 10A, xã Thạnh Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang và căn nhà cấp 04 và các tài sản gồm: tủ lạnh Aqua, tủ gỗ, bàn gỗ tròn 1,02 mét, bộ bếp gas, nồi cơm điện, quạt gió Kakashi, tủ gỗ, tủ gỗ đựng quần áo, dàn âm thanh Paramax, quạt bàn Fugio, Tivi Digital Control, quạt treo (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/08/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp và tờ trích đo địa chính số: TĐ 75-2020 (1396-08) ngày 01/04/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Hiệp) theo giá trị định giá là 342.294.000đ (ba trăm bốn mươi hai triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng) là tài sản chung của ông Phan Trọng N và bà Nguyễn Thị Bích N.

3. Giao cho ông Phan Trọng N được quyền quản lý và sử dụng các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất thửa đất số 1396, tờ bản đồ số 8, diện tích theo đo đạc thực tế là 1.180,8m² và tài sản khác gắn liền với đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BL 828808 được UBND huyện Tân Hiệp cấp ngày 06/09/2012, đứng tên ông Phan Trọng N, phần đất tọa lạc tại ấp Kinh 10A, xã Thạnh Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang và căn nhà cấp 04 và các tài sản gồm: tủ lạnh Aqua, tủ gỗ, bàn gỗ tròn 1,02 mét, bộ bếp gas, nồi cơm điện, quạt gió Kakashi, tủ gỗ, tủ gỗ đựng quần áo, dàn âm thanh Paramax, quạt bàn Fugio, Tivi Digital Control, quạt treo (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/08/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp và tờ trích đo địa chính số: TĐ 75-2020 (1396-08) ngày 01/04/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Hiệp).

4. Buộc ông Phan Trọng N thanh toán tiền bằng ½ giá trị tài sản cho bà Nguyễn Thị Bích N giá trị bằng tiền là 171.147.000đ (một trăm bảy mươi một triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

5. Về án phí chia tài sản chung: Ông Phan Trọng N nộp 8.557.000đ (tám triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0005302 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh

Kiên Giang. Ông N còn phải nộp số tiền là 5.307.000đ (năm triệu ba trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Bích N nộp 8.557.000đ (tám triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

6. Về chi phí thẩm định giá tài sản: ông N tự nguyện nộp cho Công ty TNHH định giá, tư vấn, xây dựng Định Vượng số tiền là 3.800.000đ (ba triệu tám trăm nghìn đồng) và Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE số tiền là 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào hoá đơn giá trị gia tăng số: 0000096 ngày 28/04/2020 và hoá đơn giá trị gia tăng số: 0011554 ngày 15/05/2020, ông N đã nộp đủ.

7. Về lệ phí đo đạc: ông N tự nguyện nộp 662.000đ (sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng) cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang được khấu trừ vào hoá đơn giá trị gia tăng số: 0001784 ngày 21/04/2020, ông N đã nộp đủ.

8. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc ông Phan Trọng N nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho ông Phan Trọng N biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho bà Nguyễn Thị Bích N biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Nhật